**Lương cơ sở là gì?**

[**Mức lương cơ sở là gì**](https://vndoc.com/luong-co-so-la-gi/download)**? Những đối tượng nào áp dụng lương cơ sở? Sự khác nhau giữa lương cơ sở và lương tối thiểu như thế nào? Đây là những câu hỏi nhiều người quan tâm. Vietjack sẽ giải đáp thông qua bài viết dưới đây.**

## I. Lương cơ sở

### 1. Định nghĩ mức lương cơ sở

Mức lương cơ sở Là mức lương dùng làm căn cứ tính mức lương trong các bảng lương, mức phụ cấp và thực hiện các chế độ khác, tính các mức hoạt động phí, tính các khoản trích và chế độ được hưởng theo mức lương này (mức lương cơ sở còn được hiểu là mức lương thấp nhất).

### 2. Bản chất của mức lương cơ sở

Mức lương cơ sở đây là mức lương làm căn cứ tính đóng, hưởng BHXH, BHYT, BHTN cho cán bộ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang…Đồng thời,đây cũng là mức lương làm cơ sở để tính thang lương, bảng lương và các khoản phụ cấp.Mức đóng bảo hiểm cao nhất bằng 20 lần mức lương cơ sở

### 3. Nguyên tắc áp dụng mức lương cơ sở

Mức lương làm căn cứ tính đóng, hưởng BHXH, BHYT, BHTN cho cán bộ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang… Đồng thời, mức lương này là cơ sở để tính thang lương, bảng lương và các khoản phụ cấp.Mức đóng bảo hiểm cao nhất bằng 20 lần mức lương cơ sở

### 4. Đối tương áp dụng mức lương cơ sở

Cán bộ công chức từ Trung Ương đến Cấp Xã:

– Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập

– Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ quan, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội.

Lưu ý: Một số trường hợp, người làm việc vẫn có thể thỏa thuận để được hưởng mức lương theo chế độ lương tối thiểu vùng:

– Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

– Người làm việc chỉ tiêu biên chế được NSNN cấp kinh phí trong các hội có tính chất đặc thù.

– Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn, công nhân, nhân viên công an và lao động hợp đồng thuộc Công an nhân dân.

– Người làm việc trong tổ chức cơ yếu.

– Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn và tổ dân phố.

### 5. Chu kỳ thay đổi mức lương cơ sở

Không có chu kỳ thay đổi nhất định.Bởi mức lương cơ sở được điều chỉnh trên cơ sở khả năng NSNN, chỉ số giá tiêu dùng và tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước.

Tham khảo: Bảng lương cơ sở năm 2019

## II. Mức lương tối thiểu vùng

Căn cứ theo Nghị định 122/2015/NĐ-CP về mức lương tối thiểu vùng thì:

### 1. Định nghĩa về mức lương tối thiểu vùng

Đây là mức lương thấp nhất làm cơ sở để Doanh nghiệp và người lao động thỏa thuận và trả lương, trong đó, mức lương trả cho người lao động làm việc trong điều kiện bình thường, bảo đảm đủ giờ làm việc bình thường trong tháng và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận phải đảm bảo:

+ Không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng với người lao động chưa qua đào tạo công việc đơn giản nhất;

+ Cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động đã qua học nghề

### 2. Bản chất của mức lương tối thiểu vùng

Mức lương tối thiểu vùng là Mức lương cơ sở để người lao động và doanh nghiệp thỏa thuận với nhau, đồng thời, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.Đồng thời, mức lương này còn là cơ sở để đóng và hưởng các khoản BHXH, BHYT, BHTN của người lao động. Mức đóng bảo hiểm thấp nhấp bằng mức lương tối thiểu

### 3. Nguyên tắc áp dụng mức lương tối thiểu vùng

Doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn nào thì áp dụng mức lương tối thiểu vùng tại địa bàn đó.

– Nếu DN có nhiều chi nhánh, đơn vị trực thuộc thì chi nhánh, đơn vị trực thuộc áp dụng mức lương tối thiểu tại vùng đó.

– Nếu DN trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế nằm trên các địa bàn khác nhau, DN hoạt động trên địa bàn mới thành lập từ 01 hay nhiều địa bàn thì áp dụng mức lương tối thiểu vùng cao nhất.

– Nếu DN hoạt động trên địa bàn thay đổi tên hay chia tách thì tạm thời áp dụng mức lương tại địa bàn trước khi thay đổi đến khi có quy định mới.

### 4. Đối tượng áp dụng mức lương tối thiểu vùng

Người lao động làm việc trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác có thuê mướn lao động theo hợp đồng lao động.

### 5.Chu kỳ thay đổi mức lương tối thiểu vùng

Thông thường là 01 năm, mức lương tối thiểu vùng thay đổi 1 lần.Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản nào quy định cụ thể về chu kỳ thay đổi này của mức lương tối thiểu vùng

## III. Các mức lương hiện nay

### 1. Mức lương tối thiểu vùng

Nghị định 157/2018/NĐ-CP mức lương tối thiểu vùng với người lao động tại doanh nghiệp

1. Quy định mức lương tối thiểu vùng áp dụng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp như sau:

a) Mức 4.180.000 đồng/tháng, áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng I;

b) Mức 3.710.000 đồng/tháng, áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng II;

c) Mức 3.250.000 đồng/tháng, áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng III;

d) Mức 2.920.000 đồng/tháng, áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng IV.

### 2. Mức lương cơ sở

Chính phủ vừa ban hành Nghị định 38/2019/NĐ-CPquy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Theo đó, từ ngày 1/7/2019, mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng.

Lưu ý: Đây là mức lương cơ sở áp dụng với các bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và không áp dụng cho lao động làm việc trong Doanh nghiệp, tổ chức.